

Số: 3776277

|  | <b>Mazda CX-30 2.0L Luxury</b>               | <b>New Mazda CX-3 1.5L Premium</b>      |
|--|--|---|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>699.000.000đ</b>                          | <b>659.000.000đ</b>                     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |  |   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4395 x 1795 x 1540                           | 4275 x 1765 x 1535                      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2655   | 2570                                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300   | 5300                                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 175  | 155                                     |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1441   | 1210                                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1936   | 1660                                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 430  | 350                                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51   | 48                                      |
| Số chỗ ngồi                                    | 5  | 5                                       |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước                        |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |  |   |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L                              | Skyactiv-G 1.5L                         |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998   | 1496                                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 153 / 6000                                   | 110 / 6000                              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                   | 144 / 4000                              |
| Hộp số   | 6AT  | 6AT                                     |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)                         |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                           | Độc lập Mc Pherson                      |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn                              |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa  | Đĩa                                     |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa  | Đĩa                                     |
| Thông số lốp xe                                | 215/55 R18                                   | 215/50 R18                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.53  | 8.75                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.63   | 5.18                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.07   | 6.48                                    |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●  | ●                                       |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 | Normal/Sport                            |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |  |   |
| Cụm đèn trước                                  | LED  | LED                                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●  | ●                                       |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -  | ●                                       |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●  |   |
| Đèn ban ngày LED                               | ●  | LED                                     |
| Cụm đèn sau                                    | LED  | LED                                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●  | ●                                       |
| Gạt mưa tự động                                | ●  | ●                                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |  |   |
| Vô lăng bọc da                                 | ●  | ●                                       |
| Chất liệu ghế                                  | Da   | Da                                      |

|  |                  |                  |
|--|------------------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                |                  |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                               | ●                |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8.8              | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 2                | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                |                  |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                          | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                          | 8 loa            | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                              | ●                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |                  |
| Số túi khí                                 | 7                | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau              | Sau              |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control   | Cruise control   |
| Camera lùi                                 | ●                | ●                |